

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA H'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 5 năm 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tuyển, ông Trần Hữu Linh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Đặng Minh P, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, chị Nguyễn Thị Thu M trình bày:***

Chị với anh Đặng Minh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có 01 con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, anh P nghiện ma túy dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao con chung cho anh P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai anh Đặng Minh P trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Thu M là vợ chồng (Đăng ký kết hôn năm 2016). Anh chị có một con chung. Trong quá trình chung sống, mặc dù anh là người nghiện ma

túy, nhưng anh vẫn quan tâm, chăm sóc, có trách nhiệm và yêu thương vợ con nên anh chưa đồng ý ly hôn. Nếu chị M không còn yêu thương và không còn tình cảm với anh, thì anh đồng ý ly hôn. Hiện nay, con anh đang ở với ông bà nội (Bố mẹ của anh), về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2016 của Ủy ban nhân dân xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk thể hiện nội dung:**

Chị Nguyễn Thị Thu M và anh Đặng Minh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 26 tháng 7 năm 2016.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Chị M chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Anh P mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 51, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của chị M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con, cho chị M ly hôn với anh P. Giao con chung cho anh P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị M và anh P là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung. Hiện nay, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị M khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh P có hộ khẩu thường trú ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh P từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, thì Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh P là người nghiện ma túy nên dẫn đến việc tranh chấp về hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với tình trạng hôn nhân, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị M ly hôn với anh P.

+ Về con chung:

Anh P, chị M có 01 con chung là cháu Đặng Minh Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, cháu Đ đang ở với ông bà nội (Bố mẹ của anh P), nguyện vọng của chị M là giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện và ý kiến của Viện kiểm sát, giao con chung cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mức 3.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự tự nguyện trên, đồng thời chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Minh Đ với mức 3.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung:

Chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí:

+ Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Chị M) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

+ Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quyết định của Tòa án vì vậy chị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự không có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu M ly hôn với anh Đặng Minh P.

+ Về con chung: Giao con chung (Cháu Đặng Minh Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2016) cho anh Đặng Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Chị M có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị M.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung (Cháu Đặng Minh Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2016) với mức 3.000.000đ/tháng, kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu Đặng Minh Đ đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quyết định của Tòa án. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện Ea H'Leo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001855 ngày 26 tháng 02 năm 2024. Chị Nguyễn Thị Thu M còn tiếp tục phải nộp 300.000đ.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**ĐỖ VĂN DŨNG**